

Chương III

TRUNG QUỐC THỜI PHONG KIẾN

Bài 5

TRUNG QUỐC THỜI PHONG KIẾN (2 tiết)

I - MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Về kiến thức

Giúp HS hiểu được :

- Sự hình thành xã hội phong kiến ở Trung Quốc và quan hệ giai cấp trong xã hội.
- Bộ máy chính quyền phong kiến được hình thành, củng cố từ thời Tân, Hán cho đến thời Minh, Thanh. Chính sách xâm lược, chiếm đất đai của các hoàng đế Trung Hoa.
- Những đặc điểm về kinh tế Trung Quốc thời phong kiến : nông nghiệp là chủ yếu, hưng thịnh theo chu kỳ, mâu mống quan hệ tư bản đã xuất hiện nhưng còn yếu ớt.
- Văn hoá phát triển rực rỡ.

2. Về tư tưởng, tình cảm

- Thấy được tính chất phi nghĩa của các cuộc chiến tranh xâm lược của các triều đại phong kiến Trung Quốc.
- Quý trọng các di sản văn hoá, hiểu được những ảnh hưởng của văn hoá Trung Quốc đối với Việt Nam.

3. Về kỹ năng

- Trên cơ sở sự kiện lịch sử, HS biết phân tích rút ra kết luận.
- Biết sử dụng sơ đồ (hoặc tự vẽ sơ đồ) để hiểu bài giảng.
- Nắm vững được các khái niệm cơ bản.

II - NHỮNG ĐIỀU CẦN LUU Ý

1. Về nội dung

- Bài này gồm 4 mục, mỗi tiết học 2 mục.

- Nói rõ chế độ phong kiến được xác lập và phát triển dưới thời Tân, Hán, phát triển cao thời Đường và thời Minh, Thanh là giai đoạn suy yếu của phong kiến Trung Quốc.
- Bộ máy nhà nước là chính quyền phong kiến tập trung, giải thích rõ khái niệm này cho HS.
- Phân tích cho HS thấy rõ sự phát triển về kinh tế gắn với sự thăng trầm của các triều đại, có tính chất chu kỳ.
- Phân tích chính sách xâm lược các nước láng giềng được các hoàng đế Trung Quốc thực hiện ở tất cả các triều đại, liên hệ với Việt Nam để thấy sự thất bại của họ.
- Văn hoá Trung Quốc thời phong kiến rất phát triển trên các mặt.

2. Về phương pháp

GV khi giảng có thể tùy theo từng mục, hoặc ngay trong một mục có thể lựa chọn phương pháp thích hợp, xin gợi ý :

- Sử dụng *phương pháp biên niên* để trình bày tiến trình phát triển của lịch sử Trung Quốc qua các triều đại. GV có thể chuẩn bị trước một bảng thống kê (niên biểu) các triều đại, rồi treo lên bảng để giảng.
- *Tường thuật* ngắn gọn một số cuộc khởi nghĩa nông dân : Hoàng Sào, Chu Nguyên Chương, Lý Tự Thành (GV phải tham khảo thêm tài liệu khác).
- Phân tích những vấn đề quan trọng : Sự hình thành chế độ phong kiến, sự xuất hiện mầm mống quan hệ sản xuất TBCN...
- Sử dụng các bản đồ, sơ đồ ; cũng có thể giao cho HS lập các bảng thống kê, hoặc tự vẽ các sơ đồ (bộ máy nhà nước, niên biểu các triều đại v.v...).

III - THIẾT BỊ, TÀI LIỆU DẠY — HỌC

• GV : Chuẩn bị bản đồ Trung Quốc (tốt nhất là bản đồ gốc qua các thời kì) và một số tranh ảnh tiêu biểu như : Cố cung, Vạn lí trường thành, đồ gốm sứ... Có thể viết bảng thống kê các triều đại trên khổ giấy lớn, hoặc vẽ một hai sơ đồ.

• HS : Thông báo trước để HS sưu tầm tranh ảnh về lịch sử Trung Quốc thời phong kiến ; chuẩn bị giấy để có thể tự vẽ sơ đồ, biểu bảng trên lớp dưới hình thức bài tập...

- Bản đồ Trung Quốc qua các thời kì.
- Sưu tầm tranh ảnh như : Cố cung, Vạn lí trường thành, đồ gốm sứ...
- Vẽ các sơ đồ.

IV - GỢI Ý TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY — HỌC

1. Giới thiệu bài học

GV có thể dựa vào đoạn mở đầu trong SGK, nêu những ý cơ bản về lịch sử Trung Quốc thời phong kiến ; hoặc nhắc lại đôi điều về Hi Lạp và Rô-ma rồi chuyển sang Trung Quốc.

2. Tổ chức các hoạt động dạy và học

Mục 1. Trung Quốc thời Tân, Hán

– Đầu tiên, GV trình bày nhanh về sự hình thành nhà Tân, sau đó là nhà Hán. Song cần khẳng định đây là giai đoạn chế độ phong kiến đã được xác lập.

– Ý quan trọng là tổ chức bộ máy nhà nước thời Tân, Hán : Hoàng đế có quyền tuyệt đối, bên dưới là hai chức quan Thừa tướng, Thái úy cùng các quan văn, võ v.v... Ở địa phương là các quan Thái thú và Huyện lệnh. Cần nói thêm về việc mở rộng tuyển dụng quan lại bằng hình thức tiến cử. (Nếu cần sơ đồ hoá, GV xem SGV Ban Nâng cao, rồi lược bớt đi).

– Chính sách xâm lược của nhà Tân, Hán : Nêu tên các vùng đất mà các hoàng đế đã xâm lấn ở bên trong và bên ngoài lãnh thổ Trung Quốc, trong đó có xâm lược vào lãnh thổ của người Việt cổ (có thể sử dụng bản đồ để minh họa).

Mục 2. Sự phát triển chế độ phong kiến dưới thời Đường

Tập trung vào mấy ý sau :

• Về kinh tế : Dưới thời Đường, kinh tế phát triển cao hơn các triều đại trước về mọi mặt : thi hành chế độ quân điền, áp dụng kỹ thuật canh tác mới, chọn giống, sản lượng thóc lúa tăng ; thủ công nghiệp và thương nghiệp phát triển.

GV có thể mở rộng các khái niệm :

Chế độ quân điền ; chế độ tô, dung, điệu (vừa giải thích vừa đưa ra ví dụ minh họa). Chẳng hạn, GV có thể hỏi HS : Người ta chia ruộng như thế nào ? Một năm chia một lần ? Khi nhận ruộng, nông dân phải nộp bao nhiêu thóc lúa ?

• Về tổ chức bộ máy : đã hoàn thiện bộ máy chính quyền từ trung ương đến địa phương : có chức *Tiết độ sứ*, giải thích khái niệm này (là chức quan chỉ huy, cai quản cả quân sự và dân sự ở vùng biên cương).

Phân tích tính chất tiến bộ của chế độ tuyển dụng quan lại bằng thi cử (bên cạnh việc cử con em thân tín xuống làm việc ở các địa phương).

• Nhà Đường tiếp tục chính sách xâm lược mở rộng lãnh thổ : GV lấy các dẫn chứng trong SGK.

- Cuối cùng, GV nêu vài nét về sự sụp đổ của nhà Đường dẫn đến thành lập nhà Tống (sau đó là nhà Nguyên).

Mục 3. Trung Quốc thời Minh, Thanh

GV nên giảng gọn hai ý để giúp HS hiểu tiến trình lịch sử phong kiến Trung Quốc.

- Sự thành lập triều Nguyên ở Trung Quốc : tóm lược sự hình thành đế quốc Mông Cổ ; sự xâm lược của Mông Cổ. Nhà Nguyên và chính sách thống trị của họ.

- Phong trào khởi nghĩa nông dân của Chu Nguyên Chương và sự thành lập triều Minh : nguyên nhân khởi nghĩa, mâu thuẫn dân tộc và mâu thuẫn giai cấp, kết quả, tác dụng của cuộc khởi nghĩa. Sau đó nói rõ về nhà Minh và nhà Thanh.

- **Nhà Minh** : nêu các ý sau :

- Sự phát triển kinh tế dưới triều Minh và sự xuất hiện mầm mống của quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa.

- Tổ chức bộ máy của nhà Minh : lập 6 bộ, các tỉnh chịu sự chỉ đạo của các bộ ; hoàng đế nắm cả quân đội.

- Đấu tranh giai cấp và khởi nghĩa nông dân Lý Tự Thành.

- + Mâu thuẫn giữa địa chủ và nông dân.

- + Khởi nghĩa nông dân Lý Tự Thành.

- **Nhà Thanh** : Sự thành lập nhà Thanh ; chính sách đối nội, đối ngoại ; nguy cơ của chủ nghĩa thực dân đối với Trung Quốc.

GV có thể mở rộng giải thích :

- Những biểu hiện của mầm mống kinh tế tư bản chủ nghĩa dưới triều Minh.

- + Sự xuất hiện của công trường thủ công : quy mô lớn, có lao động làm thuê (tính ngày lấy tiền công) ; quan hệ giữa chủ xưởng với người làm thuê là "chủ xuất vốn" "thợ xuất sức".

- + Thương nghiệp phát triển, thành thị mở rộng và phồn thịnh như Bắc Kinh, Nam Kinh.

- + Trong nông nghiệp : có hình thức bỏ vốn trước, thu sản phẩm sau (gọi là hình thức bao mua).

- Nói thêm nguồn gốc của nhà Thanh. Phân tích chính sách áp bức dân tộc ; chính sách "bế quan tỏa cảng".

Để truyền đạt được các nội dung nói trên, GV chú ý vận dụng nhiều phương pháp khác nhau : Dùng lại bản niên biểu các triều đại để nói sự hình thành nhà

Minh, Thanh ; mô tả khởi nghĩa nông dân Chu Nguyên Chương và Lý Tự Thành ; phân tích về sự xuất hiện mầm mống của quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa... Có thể đặt thêm các câu hỏi đã cho HS trả lời, hoặc đàm thoại nhanh trên lớp. Cũng có thể so sánh sự phát triển của hai triều đại Minh, Thanh...

Mục 4. Văn hóa Trung Quốc thời phong kiến

GV hướng dẫn HS nắm các điểm cơ bản sau :

- Những quan điểm cơ bản của Nho giáo.
- Phật giáo cũng thịnh hành, nhất là thời Đường.
- Về sử học, cần nhắc đến Tư Mã Thiên với bộ *Sử kí*.
- Về văn học, nêu sự phát triển của thơ ca (đặc biệt là thơ Đường) và tiểu thuyết (thời Minh, Thanh).
- Những tiến bộ về khoa học – kĩ thuật của Trung Quốc thời phong kiến, 4 phát minh.

Ngoài ra, GV có thể mở rộng thêm về :

Nho giáo : Quan điểm cơ bản của Nho giáo về quan hệ "tam cương" : vua – tôi, chồng – vợ, cha – con ; trong đó chú ý đến việc giáo dục con người phải thực hiện bốn phận với quốc gia là tôn quân. Khổng Tử muốn lập kỉ cương trên cơ sở kế thừa và phát huy những phẩm chất đạo đức tinh hoa của loài người, đề cao vai trò của Nho giáo đối với xã hội phong kiến.

Văn học : Có thể giới thiệu, phân tích nội dung nghệ thuật của thơ Đường. Dẫn ra một hai bài thơ của Đỗ Phủ hoặc Lý Bạch để minh họa. Giới thiệu tóm lược những tác phẩm quen thuộc như *Sử kí*, *Tây du kí*, *Thuỷ hử*, *Tam quốc diễn nghĩa* hay *Hồng lâu mộng*.

3. Sơ kết bài

– *Củng cố* :

+ GV tóm lược sự phát triển lịch sử xã hội phong kiến Trung Quốc qua các thời đại từ Tần cho đến Thanh (lập bảng hệ thống kiến thức).

+ Sau đó nêu các đặc điểm về chính trị (tổ chức bộ máy nhà nước phong kiến), quan hệ xã hội (các giai cấp, đấu tranh của nông dân), kinh tế và văn hoá của xã hội phong kiến Trung Quốc.

– *Bài tập về nhà* : HS lập bảng thống kê theo các nội dung kinh tế, chính trị, văn hoá qua các triều đại và cuối cùng có thể nêu ra những nhận xét chung.

V - TÀI LIỆU THAM KHẢO

Về Toán học, từ đời Hán đã biên soạn được quyển *Cửu chương toán thuật*, trong đó nêu ra các phương pháp tính diện tích ruộng đất theo các hình thức khác nhau, tính khối lượng đất đắp thành đào hào, tính giá tiền lương thực, gia súc v.v... Trong khi tính toán các vấn đề nói trên, sách này đã đề cập một số mặt của đại số học như phương pháp giải phương trình bậc một có nhiều ẩn số...

Thành tích nổi bật về toán học thời Nam – Bắc triều là Tổ Xung Chi (429 – 500) đã tìm được số π chính xác có 7 số lẻ nằm giữa 2 số 3,1415926 và 3,1415927. Phát minh này của Tổ Xung Chi sớm hơn các nhà toán học các nước khác hơn 1000 năm.

Về thiên văn học, Trung Quốc vốn có nhiều hiểu biết từ thời cổ đại. Đến thời Tân, Hán, Trung Quốc lại phát minh ra nông lịch, tức là chia một năm thành 24 tiết, nông dân có thể dựa vào đó để biết thời vụ sản xuất. Đồng thời, từ thời Tây Hán về sau, các triều đại đã nhiều lần điều chỉnh lịch, nên lịch ngày càng chính xác.

Nhà Thiên văn học nổi tiếng thời Đông Hán là Trương Hành (78 – 139). Ông đã biết ánh sáng của Mặt Trăng là nhận của Mặt Trời. Ông làm được một mô hình thiên thể gọi là "*hỗn thiên nghi*". Khi mô hình này chuyển động thì các vì sao cũng di chuyển giống như tình hình thực ngoài bầu trời.

Trương Hành còn có nhiều hiểu biết về địa lí, địa chất học. Ông làm được một dụng cụ đo động đất gọi là "*địa động nghi*" có thể đo một cách chính xác phương hướng của động đất.

Về y dược, từ thời Hán đã xuất hiện nhiều thầy thuốc giỏi, trong số đó nổi tiếng nhất là Hoa Đà. Ông là người đầu tiên của Trung Quốc đã biết dùng phẫu thuật để chữa bệnh. Ông còn chủ trương phải luyện tập thân thể cho huyết mạch được lưu thông và chính ông đã soạn ra bài thể dục "*ngũ cấm hí*", tức là những động tác bắt chước 5 loài động vật là hổ, hươu, gấu, vượn và chim.

Nhà y dược học nổi tiếng thời Minh là Lý Thời Trân. Tác phẩm *Bản thảo cương mục* của ông là một quyển sách thuốc rất có giá trị. Trong tác phẩm này ông đã giới thiệu 1558 vị thuốc do người đời trước tìm ra và còn thêm vào 374 vị thuốc mới. Tác giả đã phân loại, đặt tên, giới thiệu tính chất, công dụng và hình vẽ các cây thuốc đó. Vì vậy, sách này không chỉ là một tác phẩm dược học có giá trị mà còn là một tác phẩm thực vật học quan trọng.

Về mực kĩ thuật, trong giai đoạn lịch sử này, nhân dân Trung Quốc có bốn phát minh hết sức quan trọng. Đó là giấy, kĩ thuật in, la bàn và thuốc súng.

Mãi đến thời Tây Hán, ở Trung Quốc, người ta vẫn còn viết lên thẻ tre hoặc lụa. Đến thế kỉ I TCN, nhờ sự phát triển của nghề tằm tơ, nhân dân lao động Trung Quốc đã phát minh được cách làm một loại giấy thô sơ bằng tơ. Đến năm

105, một viên quan hoạn thời Đông Hán là Thái Luân phát minh ra cách dùng vỏ cây, lưới cũ, giẻ rách... để làm giấy. Từ đó nghề sản xuất giấy trở thành một nghề mới, tạo điều kiện cần thiết cho sự phát triển nhanh chóng của nền văn hoá Trung Quốc. Kỹ thuật làm giấy của Trung Quốc đến thế kỉ VIII truyền sang A-rập, ba bốn thế kỉ sau lại từ A-rập truyền sang Tây Âu.

Kỹ thuật in bắt đầu được phát minh từ thời Đường, nhưng bấy giờ người ta chỉ mới biết in bằng ván khắc. Đến giữa thế kỉ XI (đời Tống), một người dân thường tên là Tất Thăng đã phát minh ra cách in chữ rời bằng đất nung. Chữ được xếp lên một tấm sắt có sáp, xếp xong, đem nung nóng cho sáp chảy rồi để nguội, sáp sẽ giữ chặt lấy chữ, và như vậy có thể đem in. Nhược điểm của phát minh này là chữ hay mòn, khó tô mực, in không được sắc nét. Đến đầu thế kỉ XIV, nhược điểm đó được khắc phục bằng cách thay chữ đất nung bằng chữ gỗ. Đến cuối thế kỉ XIV (đầu thời Minh), kỹ thuật in truyền sang Triều Tiên. Người Triều Tiên đã cải tiến thay chữ gỗ bằng chữ đồng và sau đó lại truyền sang Trung Quốc. Từ đó, nghề in ở Trung Quốc càng tiến bộ.

Việc phát minh ra kim chỉ nam cũng trải qua một quá trình lâu dài. Từ thế kỉ III TCN, người Trung Quốc đã biết được tính chất hút sắt của đá nam châm và đến thế kỉ I TCN thì biết được tính chất chỉ hướng của nó, nhưng mãi đến đời Tống mới phát minh được sắt nam châm nhân tạo. Vào thế kỉ XI, người ta bắt đầu biết dùng sắt mài lên đá nam châm để thu hút từ tính rồi dùng miếng sắt đó vào việc làm la bàn, la bàn lúc đầu chỉ là miếng sắt có từ tính xâu qua cọng rơm thả nổi trong bát nước hoặc treo bằng sợi tơ ở chỗ kín gió. Việc phát minh ra la bàn đã tạo điều kiện hết sức thuận lợi cho sự phát triển nghề hàng hải ở Trung Quốc.

Còn việc phát minh ra thuốc súng là thành tích ngẫu nhiên của các nhà luyện đan. Từ xưa, người Trung Quốc tin rằng người ta có thể luyện được vàng và thuốc trường sinh bất lão. Nguyên liệu mà các nhà luyện đan thường dùng là lưu huỳnh, diêm tiêu và than gỗ. Cho đến đời Đường mục đích chính của họ thì không đạt được, trái lại thường gây nên những vụ nổ hoặc cháy, và thế là, tình cờ người ta tìm ra được cách làm thuốc súng.

Đến đầu thế kỉ X, thuốc súng bắt đầu được dùng để làm vũ khí, đến đời Tống thì được ứng dụng rộng rãi vào việc chế tạo những loại vũ khí thô sơ như tên lửa, cầu lửa, quạ lửa, pháo, đạn bay v.v...

Việc phát minh ra giấy, kỹ thuật in, la bàn và thuốc súng là những cống hiến rất lớn của nhân dân Trung Quốc đối với nền văn minh thế giới.

(Theo : Nguyễn Gia Phu..., *Lịch sử thế giới trung đại*,
NXB Giáo dục, H., 2003)